TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/DS-PT
Ngày: 20/01/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền

Ông Bùi Hữu Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1415/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 708/2025/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7602/2025/QĐPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 710/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hiệp H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: 1/4 H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976 và/hoặc ông Vũ Đình K, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ liên hệ: 65 B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 00017038, quyển số 09/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/9/2024 do Văn phòng công chứng Đồng Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

2/ Bị đơn: Ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 173/8A P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 15 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 3736, quyển số 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2025 do Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Ánh Thưởng, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 07 Tân Canh, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 15 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 14323, quyển số 08/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/8/2025 do Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Đình K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên khi cần tiền làm ăn, ông Vũ Ngọc L có vay tiền của ông Nguyễn Hiệp H và hứa sẽ trả trong 10 tháng. Để lấy lòng tin, ông L đã làm hợp đồng ủy quyền cho ông H thửa đất số 392, tờ bản đồ số 334 tại địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh H, hợp đồng có ủy quyền tại Phòng công chứng số 4 – Thành phố Hồ Chí Minh. Do tin tưởng nên ông H đã cho ông L vay số tiền là 300.000.000 đồng. Số tiền này được ông H giao cho ông L thành 02 đợt: Ngày 25/8/2012: 250.000.000 đồng và ngày 07/9/2012: 50.000.000 đồng, 02 lần nhận tiền đều có chữ ký xác nhận của ông L. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận ban đầu nhưng ông L vẫn không trả tiền mặc dù ông H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông L trả tiền nhưng ông L vẫn không hợp tác. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả tiền. Ngày 20/7/2025, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Vũ Ngọc L trả cho ông Nguyễn Hiệp H tổng số tiền 653.542.000 đồng, bao gồm:

1/ Khoản vay 250.000.000 đồng ngày 25/8/2012: Số tiền gốc là 250.000.000 đồng. Số tiền lãi trong hạn (từ ngày 25/8/2012 đến ngày 25/6/2013 – 10 tháng) là 18.750.000 đồng (250.000.000 đồng x 9%/năm x 10 tháng); Số tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán theo Bộ luật Dân sự năm 2005 tạm tính (từ ngày 26/6/2013 đến ngày 31/12/2016 – 42 tháng) là 118.125.000 đồng (250.000.000 đồng x 13,5%/năm x 42 tháng); Số tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán theo Bộ luật Dân sự năm 2015 (từ ngày 01/01/2017 đến 20/7/2025 – 102 tháng): 212.500.000 đồng (250.000.000 đồng x 10%/năm x 102 tháng). Tổng cộng lãi: 349.375.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 599.375.000 đồng.

2/ Khoản vay 50.000.000 đồng ngày 07/9/2012: Số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Lãi từ ngày 30/8/2024 đến 20/7/2025 (10 tháng): 4.167.000 đồng (50.000.000 x 10%/năm x 10 tháng). Tổng cộng gốc và lãi: 54.167.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi của hai khoản vay là: 653.542.000 đồng.

Nguyên đơn đồng ý sau khi bị đơn trả số tiền nêu trên thì nguyên đơn sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 638865, số vào sổ: CH00481-2485/QD0-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yến cấp ngày 26/8/2011 đối với thửa đất số 392, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh H cho bị đơn.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì nguyên đơn không đồng ý vì không có sự thỏa thuận nào giữa ông H và ông L về việc để bà Lê Ánh Thưởng trả nợ thay cho ông L, việc bà Thưởng thanh toán cho ông Hoa không liên quan đến khoản vay mà ông L vay của ông H, đề nghị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp các chứng từ đã thanh toán tiền cho ông H.

Bị đơn ông Vũ Ngọc L có ông Đoàn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là giao dịch vay mượn vì ông H cho rằng ông L vay tiền của ông H nhưng tài liệu, chứng cứ không thể hiện việc vay mượn, cụ thể: Ngày 25/8/2012, ông L ủy quyền và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H để ông H thế chấp vay tiền Ngân hàng, đổi lại ông H giao cho ông L 300.000.000 đồng. Từ đó đến nay, ông H chưa trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, ông L chưa trả tiền cho ông H nên đây là giao kết dân sự giữa hai bên chứ không phải hợp đồng vay tiền theo Hợp đồng ủy quyền. Tuy nhiên, ngày 25/8/2012, ông H lại liên lạc với mẹ ông L là bà Lê Ánh Thưởng yêu cầu bà Thưởng phải trả tiền lãi. Mẹ ông L không biết việc giao dịch giữa hai bên, chỉ hỏi thì ông L nói có lấy tiền của ông H nên bà Thưởng nghe lời ông H trả tiền lãi với mức 2,2%/tháng. Mỗi tháng bà Thưởng đã trả cho ông H 6.600.000 đồng, từ tháng 8/2012 đến tháng 7/2020 là 96 tháng x 6.600.000 đồng = 633.600.000 đồng. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh Thưởng có ông Đoàn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Hiệp H có quan hệ bạn bè với bà Lê Ánh Thưởng nhiều năm. Ngày 25/8/2012, ông H thông báo với bà là ông L (con bà) lấy tiền của ông H 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, có làm giấy tờ ra công chứng và yêu cầu bà trả tiền lãi. Bà có hỏi con bà ông L thì ông L bảo có lấy tiền của ông H và ra công chứng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Do đó, bà đã đưa cho ông H từ năm 2012 đến năm 2017 tổng cộng 60 tháng x 300.000.000 đồng x 3%/tháng = 540.000.000 đồng. Từ năm 2017 đến năm 2022, ông H giảm lãi còn 2,2%/tháng, bà đã trả cho ông H từ năm 2018 đến năm 2022 là 60 tháng

x 6,6 triệu = 396.000.000 đồng. Tổng cộng, bà đã giao cho ông H từ năm 2012 đến năm 2019 là 936.000.000 đồng. Từ năm 2023 đến nay, do gia đình kinh tế khó khăn nên bà không trả tiền được cho ông H và có nói ông H trả sổ cho con bà và xóa nợ nhưng ông H không chịu. Do bà không ở gần con bà nên bà không biết việc ông H và con bà làm ăn, giao dịch như thế nào. Bà cứ nghĩ là con vay thì mẹ trả thay cũng được nên cứ đến tháng là bà giao tiền cho ông H. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 12/8/2025, bà có yêu cầu độc lập là yêu cầu ông Nguyễn Hiệp H trả lại số tiền 936.000.000 đồng do bà nhầm lẫn đồng thời do ông H gian dối làm bà Thưởng hiểu sai về giao dịch giữa ông H và ông Vũ Ngọc L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 708/2025/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hiệp H:

Buộc bị đơn ông Vũ Ngọc L trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng theo 02 giấy nhận tiền ngày 25/8/2012 và biên nhận ngày 07/9/2012. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ lãi theo 02 giấy nhận tiền ngày 25/8/2012 và biên nhận ngày 07/9/2012 với tổng số tiền 353.542.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Dành quyền khởi kiện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh Thưởng trong một vụ án khác đối với yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền 633.600.000 đồng khi có yêu cầu.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh Thưởng buộc nguyên đơn trả lại số tiền lãi 302.400.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về nghĩa vụ thi hành bản án, về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2025, nguyên đơn Nguyễn Hiệp H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm vì sơ thẩm chưa giải quyết yêu cầu tính lãi của khoản tiền vay.

Ngày 23/9/2025, bị đơn Vũ Ngọc L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do bản án sơ thẩm gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn.

Ngày 23/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh Thưởng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do việc giải quyết như bản án sơ thẩm làm thiệt hại đến quyền, lợi ích chính đáng của bà Lê Ánh Thưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không H giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được bảo đảm để thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được bảo đảm.

- Về nội dung kháng cáo: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay như sơ thẩm xác định là đúng, việc áp dụng pháp luật quy định về thời hiệu khởi kiện đối với khoản lãi là có căn cứ. Việc bà Thưởng trả lãi nhưng chưa chứng minh được trả cho khoản vay này nên sơ thẩm tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo nhưng bổ sung nội dung buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn cho bị đơn. Án phí giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện theo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đã bảo đảm theo quy định, việc tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm đã được tuân thủ pháp luật.

[2] Căn cứ trình bày của các đương sự và tài liệu tại hồ sơ vụ án, theo "Giấy nhận tiền" ngày 25/8/2012 và "Biên nhận" ngày 07/9/2012 thể hiện bị đơn nhận của nguyên đơn tổng số 300.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn 10 tháng sau trả lại. Bị đơn thừa nhận việc có nhận từ nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng đến nay chưa trả, với lý do không phải hai bên có giao dịch vay mượn mà là bị đơn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn để nguyên đơn thế chấp vay tiền ngân hàng nhưng đến nay nguyên đơn chưa trả lại giấy chứng nhận cho bị đơn.

[3] Sơ thẩm xác định giao dịch có tranh chấp là hợp đồng vay và nhận định đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự đối với hợp đồng vay. Xét thấy trong trường hợp này, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm 02 nội dung, đó là đòi bị đơn trả số tiền gốc 300.000.000 đồng và đòi nguyên đơn phải trả số tiền lãi tính trên tiền gốc. Về nội dung đòi lại số tiền gốc, đây là quan hệ tranh chấp về quyền sở hữu tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện và sơ thẩm đã giải quyết tại vụ án là đúng, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Riêng về yêu cầu số tiền lãi, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng, đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng sơ thẩm lại giải quyết yêu cầu này và quyết định tuyên "*không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ lãi*", là không đúng. Việc sơ thẩm quyết định "chấp nhận" hay "không chấp nhận" là đã xem xét giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện. Đáng lẽ sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết đối với nội dung này với lý do đình chỉ là đã hết thời hiệu khởi kiện và có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Từ nhận định như tại mục [3] nêu trên, xét kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu giải quyết số tiền lãi là không có cơ sở để chấp nhận. Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với phần nội dung yêu cầu khởi kiện đòi số tiền lãi này.

[5] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày vào ngày 25/8/2012 cùng với việc vay tiền, để làm tin nên ông L đã làm hợp đồng ủy quyền cho ông H thửa đất số 392, tờ bản đồ số 334 tại địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh H, hợp đồng có ủy quyền tại Phòng công chứng số 4 – Thành phố Hồ Chí Minh. Xét không có cơ sở để xác định và công nhận quan hệ về biện pháp bảo đảm giữa hai bên, tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị đơn mà hiện nay nguyên đơn đang cầm giữ của bị đơn. Đây là nghĩa vụ về tài sản có quan hệ ràng buộc về quyền và nghĩa vụ giữa hai bên nên khi giải quyết về tài sản cần phải giải quyết toàn bộ. Sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền cho nguyên đơn nhưng không buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là chưa phù hợp và không giải quyết hết về quyền lợi với nghĩa vụ của các bên.

[6] Về trình bày kháng cáo của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Giao dịch hai bên xác lập ghi là giấy nhận tiền và biên nhận, đồng thời bị đơn giao cho nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, đây là giao dịch hợp đồng vay, đúng như sơ thẩm xác định. Bị đơn không đồng ý đối với trách nhiệm chịu lãi giai đoạn thi hành án vì sơ thẩm không buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận. Xét khoản lãi này là nghĩa vụ chỉ phát sinh trong trường hợp chậm trả tiền tại giai đoạn thi hành án, đã được luật và nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán quy định hướng dẫn bắt buộc phải thực hiện. Riêng việc buộc nguyên đơn phải trả giấy chứng nhận cho bị đơn đây là yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, khi có bản án phúc thẩm bị đơn có quyền yêu cầu nguyên đơn thi hành trả lại cho bị đơn.

[7] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh Thưởng:

Căn cứ Điều 370 Bộ luật Dân sự quy định về chuyển giao nghĩa vụ thì chưa đủ cơ sở để xác định và công nhận về việc chuyển giao nghĩa vụ từ ông L qua bà Thưởng, đồng thời người có quyền là ông H cũng không thừa nhận việc chuyển giao nghĩa vụ này.

Sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu độc lập của bà Thưởng (Thông báo thụ lý số 166.2/TB-TLVA ngày 19/8/2025) và việc thụ lý yêu cầu này là đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên sơ thẩm không giải quyết đối với yêu cầu độc lập đã thụ lý mà lại nhận định tách ra và quyết định dành quyền khởi kiện cho bà Thưởng trong một vụ án khác khi có yêu cầu. Xét nhận định và quyết định của sơ thẩm đối với nội dung này là không đúng. Tuy nhiên, xét trường hợp cụ thể tại vụ án, do các đương sự chưa được cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh tại phiên tòa sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi của mình và sơ thẩm cũng chưa thực hiện đủ các thủ tục tố tụng, việc tách ra giải quyết bằng vụ án khác cũng vẫn bảo lưu được quyền của các đương sự nên phúc thẩm giữ nguyên mà không hủy, lưu ý sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[8] Từ nhận định trên, xét không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 149, khoản 3 Điều 150, khoản 1 Điều 154, khoản 2 Điều 155, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 708/2025/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hiệp H:

Buộc bị đơn ông Vũ Ngọc L trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng theo 02 giấy nhận tiền ngày 25/8/2012 và biên nhận ngày 07/9/2012.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ông Nguyễn Hiệp H phải trả lại cho ông Vũ Ngọc L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE 638865, số vào sổ: CH00481-2485/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yến cấp ngày 26/8/2011 cho ông Vũ Ngọc L, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/8/2012 tại Phòng công chứng số 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi buộc bị đơn trả tiền nợ lãi theo giấy nhận tiền ngày 25/8/2012 và biên nhận ngày 07/9/2012, với tổng số tiền 353.542.000 đồng. Lý do đình chỉ là đã hết thời hiệu khởi kiện và có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại về nội dung tranh chấp đã đình chỉ này, nếu việc khởi kiện đó không có gì khác về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

4. Dành quyền khởi kiện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh Thưởng trong một vụ án khác đối với yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền 633.600.000 đồng khi có yêu cầu.

5. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh Thưởng buộc nguyên đơn trả lại số tiền lãi 302.400.000 đồng.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trả lại cho ông Vũ Ngọc L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Biên lai thu BLTU/25E số 0025442 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND khu vực 4 – TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Giảng

2025DSPT44334
1 000137 640215
29.12.2025 11:11
Nguyễn Hiệp Hịa